

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ VINH  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28/04/2021

“Về việc: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH - TỈNH NGHỆ AN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Th

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Công Th – Bà Phan Kim H

*Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Tiến M - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh - tỉnh Nghệ An.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa:* Bà Đậu Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 04 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 561/2021/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp: “Hôn nhân và gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01/04/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16 /2021/QĐ-HPT ngày 14/04/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H- sinh năm 1985. Có mặt

Địa chỉ: khối 4, phường T, thành phố Vinh, Nghệ An.

Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T- sinh năm 1977. Có mặt

Địa chỉ: khối 4, phường T, thành phố Vinh, Nghệ An

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày: chị và anh Nguyễn Minh T đến với nhau tự nguyện, có tìm hiểu đăng ký kết hôn ngày 02/06/2006 tại UBND phường T, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh T thiếu quan tâm chăm sóc gia đình, mâu thuẫn kéo dài không giải quyết được. Chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 7/2021 cho đến nay. Nay chị xét thấy tính cảm vợ, chồng không còn, mâu thuẫn gia đình không giải được nên chị vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh Tuấn.

Về quan hệ con chung: Vợ, chồng thống nhất có 02 con chung Nguyễn Thị Phương Th, sinh ngày 20/02/2007 và Nguyễn Minh Ph, sinh ngày 06/3/2011. Ly hôn chị có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng một trong hai con.

Về tài sản: chị Lê Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Minh T tại bản tự khai và quá trình hòa giải tại Tòa án cũng như tại phiên tòa trình bày: Anh thống nhất với trình bày của chị H về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn. Tuy nhiên anh vẫn mong muốn

vợ, chồng hòa giải bỏ qua mâu thuẫn để về đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình cùng nuôi dạy con cái nên anh không đồng ý ly hôn.

Về quan hệ con chung: Vợ, chồng thống nhất có 02 con chung Nguyễn Thị Phương Th, sinh ngày 20/02/2007 và Nguyễn Minh Ph, sinh ngày 06/3/2011. Ly hôn anh cũng có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh Nguyễn Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS; việc thụ lý và giải quyết vụ án đúng quy định tại Điều 26, Điều 35 BLTTDS; xác định đúng tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS.

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân & gia đình; khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Nguyễn Minh T.

Về quan hệ con chung: Chị Lê Thị H, anh Nguyễn Minh T thống nhất có 02 con chung Nguyễn Thị Phương Th, sinh ngày 20/02/2007 và Nguyễn Minh Ph, sinh ngày 06/3/2011. Giao con chung Nguyễn Thị Phương Th cho chị Hchăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung Nguyễn Minh Ph cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về quan hệ tài sản: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Minh T không yêu cầu tòa án giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu án phí theo qui định của pháp luật

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình bị đơn anh Nguyễn Minh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khối 4, phường T, thành phố Vinh, Nghệ An nên Tòa án nhân dân Thành phố Vinh thụ lý giải quyết theo qui định Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BTTDS.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Minh T đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu đăng ký kết hôn ngày 02/06/2006 tại UBND phường T, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Như vậy quan hệ hôn nhân của chị H và anh T là hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét quá trình chung sống giữa chị H và anh T thấy rằng: Sau khi kết hôn chị H và anh T chung sống hạnh phúc, sau đó mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh T thiếu quan tâm chăm sóc gia

đình. Trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã kéo dài thời gian hòa giải cho chị H, anh T để vợ, chồng có thời gian suy nghĩ và giải quyết mâu thuẫn. Tuy nhiên giữa chị H và anh T không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn, chị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn vì không còn tình cảm, anh T vẫn còn tình cảm mong muốn vợ, chồng đoàn tụ. Hiện tại chị H và anh T đã sống ly thân từ tháng 7/2021 cho đến nay. Như vậy chứng tỏ tình trạng đời sống chung của chị H, anh T đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho chị H được ly hôn anh T.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Minh T thống nhất có **02 con chung Nguyễn Thị Phương Th, sinh ngày 20/02/2007 và Nguyễn Minh Ph, sinh ngày 06/3/2011.**

Xét thấy việc chị H và anh T đều có mong muốn được chăm sóc, nuôi dưỡng hai con là chính đáng. Quá trình giải quyết vụ án mặc dù hai cháu có nguyện vọng được ở với bố. Tuy nhiên hiện tại chị H, anh T đều làm công việc tự do nên phần nào cũng cần xem xét đến điều kiện nguồn thu nhập của mỗi bên đối với việc chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Trong đó cháu Th đang ở độ tuổi phát triển tâm sinh lý về mọi mặt nên việc giao cháu Nguyễn Thị Phương Th cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Minh Ph cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[2.3]. Về quan hệ tài sản: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[2.4]. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 3 Điều 200; khoản 1 Điều 227; Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị H

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

Về quan hệ con chung: Chị Lê Thị H, anh Nguyễn Minh T thống nhất có **02 con chung Nguyễn Thị Phương Th, sinh ngày 20/02/2007 và Nguyễn Minh Ph, sinh ngày 06/3/2011. Giao cháu Nguyễn Thị Phương Th cho chị Lê Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Minh Ph cho anh Nguyễn Minh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi chung cho nhau.**

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về án phí: chị Lê Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001487 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Vinh.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Nghệ An
  - VKSND thành phố Vinh
  - Chi cục THADS thành phố Vinh
  - UBND P. T, TP Vinh
- (GCNKH số 56/2006 ngày 02/06/2006 9)
- Các đương sự
  - Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**







